SOROTEC®
UPS & Power Solutions Expert

HP3116C PLUS Series

6 kVA / 6 kW | Tower

BỘ LƯU ĐIỆN ONLINE

Online UPS

HP3116C PLUS 6KT / 6KT XL



Mặt trước 6KT

6KT front view

CÔNG SUẤT

Capacity

6 kVA / 6 kW

KIỂU DÁNG

Configuration

Tower

CÔNG NGHỆ

Technology

Chuyển đổi kép

Double conversion

PF 1.0

HỆ SỐ CÔNG SUẤT

Output power factor

0 ms

THỜI GIAN CHUYỂN MẠCH

Transfer time

≥ 0.99

HỆ SỐ CÔNG SUẤT VÀO

Input power factor

6KT

Ắc quy tích hợp: 16 × 12 V 7.2 Ah

Built-in batteries

Dòng sạc: 1-2 A, điều chỉnh

Charging current: 1-2 A, adjustable

6KT XL

Ắc quy ngoài: 192/240 VDC

External batteries: 16/20 units

Dòng sạc: 1-12 A, điều chỉnh

Charging current: 1-12 A, adjustable

ỨNG DỤNG Applications



Trung tâm dữ liệu

Data center



Trung tâm dữ liệu mini

Mini data center



UPS viễn thông

Telecom UPS



Nguồn điện trọng yếu

Critical power



Giám sát giao thông

Traffic monitoring



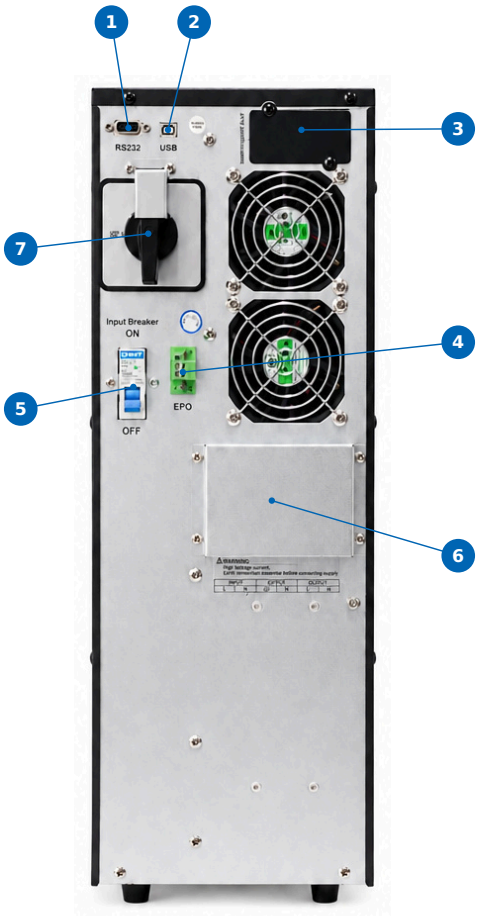
Sân bay

Airport

MẶT SAU & KẾT NỐI

Rear views & connections

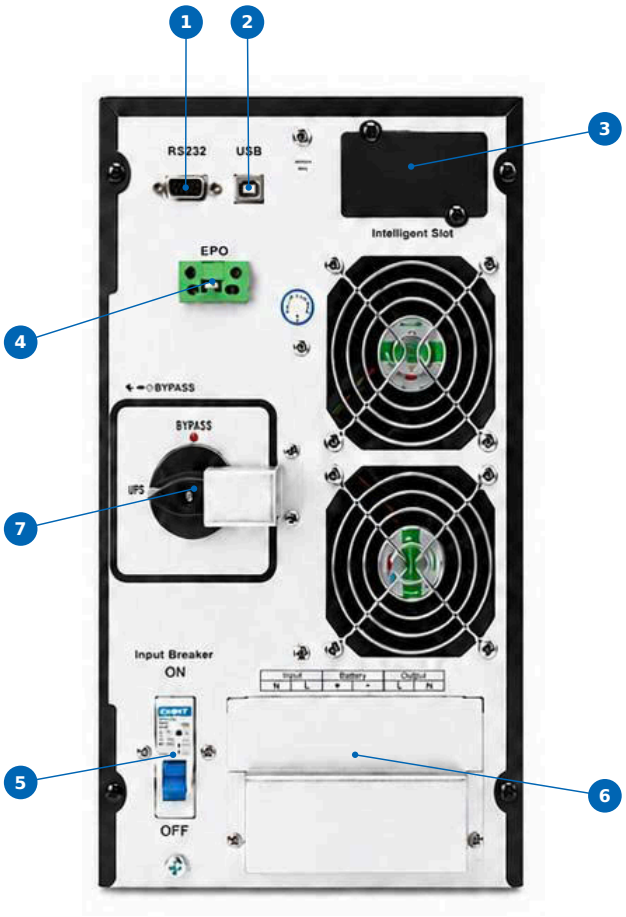
HP3116C PLUS 6KT



Bản ắc quy tích hợp

Built-in battery model

HP3116C PLUS 6KT XL



Bản sử dụng ắc quy ngoài

External battery model

HP3116C PLUS 6KT

1. Cổng RS232
   RS232 port
2. Cổng USB
   USB port
3. Khe card thông minh (có nắp)
   Intelligent card slot (covered)
4. Cổng tắt khẩn cấp EPO
   Emergency Power Off
5. Bộ ngắt mạch đầu vào
   Input circuit breaker
6. Nắp khu vực cầu đấu dây
   Terminal-block cover
7. Công tắc UPS Bypass
   UPS bypass switch

HP3116C PLUS 6KT XL

1. Cổng RS232
   RS232 port
2. Cổng USB
   USB port
3. Khe card thông minh (có nắp)
   Intelligent card slot (covered)
4. Cổng tắt khẩn cấp EPO
   Emergency Power Off
5. Bộ ngắt mạch đầu vào
   Input circuit breaker
6. Nắp khu vực cầu đấu dây
   Terminal-block cover
7. Công tắc UPS Bypass
   UPS bypass switch

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Technical specifications

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 6KT	HP3116C PLUS 6KT XL
TỔNG QUAN / GENERAL		
Công nghệ UPS UPS Topology	Chuyển đổi kép Double-conversion UPS	
Công nghệ tiết kiệm năng lượng Energy Saving Technology	Hiệu suất ECO online > 97% Online ECO Mode Efficiency > 97%	
Tương thích PFC chủ động Active PFC Compatibility	Có Yes	
KIỂU DÁNG / PHYSICAL		
Kiểu lắp đặt Form Factor	Tower	
ĐẦU VÀO / INPUT		
Tương thích máy phát điện Generator Compatibility	Có Yes	
Điện áp đầu vào danh định Nominal Input Voltage	220/230VAC	
Dải điện áp đầu vào Input Voltage Range	110~300VAC; 110~176VAC; 276~300VAC (giảm công suất) 110~300VAC; 110~176VAC; 276~300VAC (power derating)	
Tần số đầu vào Input Frequency	50/60Hz ± 6Hz	
Nhận diện tần số đầu vào Input Frequency Detection	Có Yes	
Hệ số công suất đầu vào Input Power Factor	≥ 0.99	
Đầu nối nguồn vào Input Connector Type	Cầu đấu dây Hardwire Terminal Block	
ĐẦU RA / OUTPUT		
Công suất Capacity	6KVA/6KW	
Dạng sóng Waveform	Sóng sin chuẩn Pure sine wave	
Điện áp đầu ra Voltage	208/220/230/240VAC ±1%	
Cài đặt điện áp đầu ra Output Voltage Setting	Có thể cài đặt Configurable	
Tần số đầu ra Frequency	50/60Hz ±0.1%	
Cài đặt tần số Frequency Setting	Có thể cài đặt Configurable	
Hệ số công suất đầu ra Power Factor	1	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TIẾP)

Technical specifications (continued)

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 6KT	HP3116C PLUS 6KT XL
Bảo vệ quá tải Overload Protection	Giới hạn dòng bên trong, bộ ngắt mạch, cầu chì Internal Current Limiting, Circuit Breaker, Fuse	
Quá tải ở chế độ điện lưới Overload Protection (Line Mode)	102% ~ 110% tải: 30 phút, 110% ~ 130% tải: 10 phút, 130% ~ 150% tải: 30 giây, >150%: 500 ms 102% ~ 110% load: 30 minutes, 110% ~ 130% load: 10 minutes, 130% ~ 150% load: 30 seconds, >150%: 500 milliseconds	
Quá tải ở chế độ ắc quy Overload Protection (Battery Mode)	102% ~ 110% tải: 10 phút, 110% ~ 130% tải: 1 phút , 130% ~ 150% tải: 10 giây, >150% 500 ms 102% ~ 110% load: 10 minutes, 110% ~ 130% load: 1 minute , 130% ~ 150% load: 10 seconds, >150% 500 milliseconds	
Quá tải ở chế độ bypass Overload Protection (Bypass Mode)	>150% tải : Ngay lập tức >150% load : Immediately	
Độ méo hài - tải tuyến tính Harmonic Distortion (Linear Load)	THD<2%	
Độ méo hài - tải phi tuyến Harmonic Distortion (Non-linear Load)	THD<5%, PF=0.8	
Tổng số ổ cắm đầu ra Outlet(s) - Total	1	
Loại ổ cắm đầu ra Outlet Type	1 cầu đấu dây Hardwire Terminal Block x 1	
Ổ lưu điện và bảo vệ chống xung Outlet (s) - Battery & Surge Protected	1	
Thời gian chuyển mạch Typical Transfer Time	0ms	
ẮC QUY / BATTERY		
Thông số ắc quy / điện áp DC Battery	12V7.2Ah	192/240VDC
Số lượng ắc quy Battery quantity	16 bình 16 units	16/20 bình 16/20 units
Thời gian lưu điện ở 50% tải Runtime at 50% load	9 phút 9 minutes	Phụ thuộc dung lượng ắc quy Depends on battery capacity
Thời gian lưu điện ở 100% tải Runtime at 100% load	4 phút 4 minutes	Phụ thuộc dung lượng ắc quy Depends on battery capacity
Thời gian sạc lại thông thường Typical Recharge Time	Đạt 90% trong 2 đến 4 giờ Reaches 90% charge within 2 to 4 hours.	
Dòng sạc Charge Current	1A~2A,điều chỉnh 1A~2A,adjustable	1A~12A, điều chỉnh 1A~12A, adjustable
Loại ắc quy Battery Type	Ắc quy axit chì kín khí, miễn bảo dưỡng Sealed lead-acid, maintenance-free battery	

THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TIẾP)

Technical specifications (continued)

THÔNG SỐ / PARAMETER	HP3116C PLUS 6KT	HP3116C PLUS 6KT XL
HIỆU SUẤT / EFFICIENCY		
Hiệu suất chế độ điện lưới AC mode	Tối đa 95.5%; đầy tải 95% Maximum efficiency 95.5%, full load efficiency 95%	
Hiệu suất chế độ ắc quy DC mode	Tối đa 95.3%; đầy tải 94.8% (20 bình) Maximum efficiency 95.3%, full load efficiency 94.8% (20 units battery)	
CHỐNG XUNG VÀ LỌC NHIỄU / SURGE & NOISE		
Năng lượng chống xung (J) Surge Suppression (Joules)	660	
Lọc nhiễu EMI/RFI EMI/RFI Filtration	Có Yes	
QUẢN LÝ VÀ GIAO TIẾP / COMMUNICATION		
Màn hình LCD LCD Panel	Tải, dung lượng ắc quy, chế độ điện lưới, chế độ ắc quy, chế độ bypass, chỉ báo lỗi Load, battery capacity, mains mode, battery mode, bypass mode, fault indication	
Cổng USB tương thích HID HID Compliant USB Port	1	
Cổng nối tiếp Serial Port	RS232	
Cổng tắt khẩn cấp EPO Emergency Power Off (EPO) Port	Có Yes	
Phần mềm quản lý nguồn Power Management Software	Có Yes	
Giám sát từ xa SNMP/HTTP SNMP/HTTP Remote Monitoring	Có, với card SNMP tùy chọn Yes, with optional SNMP card	
THÔNG SỐ VẬT LÝ / DIMENSIONS		
Kích thước UPS (D × W × H) UPS Dimensions (D*W*H)	454*188*610 ± 2% (mm)	390*190*317 ± 2% (mm)
Khối lượng UPS UPS Weight	51.5kg ± 2%	9kg ± 2%
MÔI TRƯỜNG / ENVIRONMENT		
Nhiệt độ hoạt động Operating Temperature	0-40°C	
Độ ẩm hoạt động Operating Relative Humidity	20-95% (Không ngưng tụ) 20-95% (Non-condensing)	
Độ ồn Noise level	<50db	
CHỨNG NHẬN / CERTIFICATIONS		
Chứng nhận Certifications*	CE-EMC, CE-LVD, EN/IEC 61000,EN/IEC 62040,GB/T4943,YD/T 1095,TLC etc.	